CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	11 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp nước Yên Bái (dưới đây gọi tắt là: "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 5200119386 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 07 năm 2013.

Trụ sở chính: Số 211, Đường Nguyễn Phúc, Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh nước máy);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Tư vấn giám sát các công trình: dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn lập dự án, thiết kế các công trình cấp thoát nước);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng).

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ: 27.059.556.464 VND *(Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ không trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm sáu nghìn bốn trăm sáu tư đồng).*

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đăng Văn Linh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2013.
Ông Nguyễn Trung Khoản	P.Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 08 năm 2013.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/09/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty sẽ định giá để thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 886/QĐ-UBND tỉnh Yên Bái ngày 18/6/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI

Đặng Văn Linh
Yên Bái, ngày 03 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á (ASA)
ASIAN AUDITING CO.,LTD
P1107,Số 262 Nguyễn Huy Tưởng,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-4) 3858 1122 - Fax: (84-4) 3858 5533

Số: 01 /2014/BCKT.TC-ASA.01

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái
cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái được lập ngày 03/12/1014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2014; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng đối với máy móc thiết bị trực tiếp sử dụng cho hoạt sản xuất kinh doanh nước nhưng công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính thấp hơn 100% công suất thiết kế. Do đó chưa phù hợp với quy định tại điểm 2c, điều 13 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo ước tính của Kiểm toán viên, nếu Công ty áp dụng phương pháp khấu hao là phương pháp đường thẳng với số năm trích khấu hao tương ứng hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC thì số khấu hao cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 là 7.074.209.922 VND, chênh lệch hơn so với mức trích khấu hao của Công ty là 700.509.522 VND.

Cũng như trình bày trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt thì trong năm 2013 Công ty chưa thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay và phí vay vốn ODA phục vụ dự án đầu tư Hệ thống cấp nước Yên Bái - Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã hoàn thành theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái trị giá 1.022.819.586 VND mà thực hiện phân bổ trong vòng 03 năm. Giá trị đã phân bổ trong năm 2013 là 170.482.701 VND, giá trị đã phân bổ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 là 255.724.052 VND và giá trị còn lại tại ngày 30/09/2014 là 255.724.052 VND.

Tính đến ngày 30/09/2014 Công ty đã thực hiện chi vượt Quỹ khen thưởng 300.476.385 VND, chi vượt Quỹ phúc lợi 45.430.400 VND. Công ty đã dùng lợi nhuận sau thuế của giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 để bù đắp phần chi vượt hai quỹ nói trên với tổng trị giá là: 345.906.785 VND. Tuy nhiên việc sử dụng lợi nhuận sau thuế để bù đắp phần chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan quản lý có liên quan.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" đến Báo cáo tài chính liên quan đến những vấn đề ảnh hưởng nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Yên Bái tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề khác

Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 đang được so sánh với số liệu Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2013 do Công ty không lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN CHÂU Á

Phạm Trung Kiên
P.Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận ĐKHN: 2350-2014-239-1

Đỗ Quốc Việt
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận ĐKHN: 2582-2014-239-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á (ASA)
Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**14.606.507.412**	**12.912.400.887**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5	**6.028.425.044**	**1.109.271.960**
1. Tiền	111		356.668.363	368.856.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.671.756.681	740.415.554
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.316.553.846**	**5.647.693.646**
1. Phải thu khách hàng	131		1.721.558.858	5.167.601.119
2. Trả trước cho người bán	132		296.881.810	-
5. Các khoản phải thu khác	135	6	298.113.178	480.092.527
IV. Hàng tồn kho	**140**	7	**6.167.139.645**	**6.080.568.891**
1. Hàng tồn kho	141		6.386.390.116	6.254.673.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(219.250.471)	(174.104.300)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**94.388.877**	**74.866.390**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.997.171	32.879.358
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	979.600	6.774.926
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		77.412.106	35.212.106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**83.024.660.542**	**88.023.213.518**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**82.032.241.652**	**86.863.317.403**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	81.662.398.048	86.461.008.819
Nguyên giá	222		*131.339.801.372*	*129.767.746.543*
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		*(49.677.403.324)*	*(43.306.737.724)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.599.999	20.999.999
Nguyên giá	*228*		*632.100.000*	*632.100.000*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(616.500.001)*	*(611.100.001)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	*354.243.605*	381.308.585
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**50.000.000**	**50.000.000**
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	50.000.000	50.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**942.418.890**	**1.109.896.115**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	913.315.574	1.058.556.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.103.316	51.339.544
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**97.631.167.954**	**100.935.614.405**

MẪU SỐ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**49.814.415.840**	**53.194.329.582**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.999.109.299**	**7.379.023.041**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.253.121.000	4.506.242.000
2. Phải trả người bán	312		133.584.910	1.226.947.753
3. Người mua trả tiền trước	313		10.479.220	20.867.748
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	370.425.987	393.336.873
5. Phải trả người lao động	315		1.135.817.400	1.144.873.895
6. Chi phí phải trả	316	16	33.772.309	193.913.250
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	61.908.473	238.748.307
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	(345.906.785)
II. Nợ dài hạn	**330**		**45.815.306.541**	**45.815.306.541**
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	45.815.306.541	45.815.306.541
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**47.816.752.114**	**47.741.284.823**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	19	**47.816.752.114**	**47.741.284.823**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.493.221.297	55.493.221.297
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		147.556.724	147.556.724
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.755.860	25.755.860
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.849.781.767)	(7.925.249.058)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**97.631.167.954**	**100.935.614.405**

Yên Bái, ngày 03 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Oanh	Dương Ngọc Khánh	Đặng Văn Linh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI

MẪU SỐ B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**17.558.484.453**	**22.837.048.104**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	17.558.484.453	22.837.048.104
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**22**	**11.824.253.095**	**16.525.352.175**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.734.231.358	6.311.695.929
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	127.361.830	193.707.122
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.031.217.676	2.395.888.827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.161.367.296	4.142.200.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**669.008.216**	**(32.686.564)**
11. Thu nhập khác	31		86.123.214	283.460.997
12. Chi phí khác	32		125.863.532	104.555.470
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(39.740.318)**	**178.905.527**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**629.267.898**	**146.218.963**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	185.657.594	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		22.236.228	37.639.072
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**421.374.076**	**108.579.891**

Yên Bái, ngày 03 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Oanh	Dương Ngọc Khánh	Đặng Văn Linh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI
MSDN: 5200119386-1 - CTTNHH
TP. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI

MẪU SỐ B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.722.827.019	20.109.226.320
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(7.341.439.178)	(8.973.709.134)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.979.528.695)	(6.336.790.400)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(46.598.892)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.919.735	618.490.863
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.978.816.921)	(3.248.172.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		***7.401.363.068***	***2.169.045.563***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(356.450.814)	(1.272.043.028)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		127.361.830	193.707.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(229.088.984)***	***(1.078.335.906)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.253.121.000)	(4.072.668.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(2.253.121.000)***	***(4.072.668.000)***
Lưu chuyển tiền thuần từ trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		**4.919.153.084**	**(2.981.958.343)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.109.271.960**	**4.091.230.303**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**5**	**6.028.425.044**	**1.109.271.960**

Yên Bái, ngày 03 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Oanh	Dương Ngọc Khánh	Đặng Văn Linh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI
MSDN: 5200119386 - CTTNHH
TP. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp nước Yên Bái (dưới đây gọi tắt là: "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 5200119386 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2010 và thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 07 năm 2013.

Công ty là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hưu, Vốn điều lệ: 27.059.556.464 VND.
(Bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ không trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm sáu nghìn bốn trăm sáu tư đồng).

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh nước máy);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Tư vấn giám sát các công trình: dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; tư vấn lập dự án, thiết kế các công trình cấp thoát nước);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp thoát nước);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ tài chính đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

Cơ sở lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang đối với hoạt động lắp đặt: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành theo chi phí phát sinh thực tế.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang đối với hoạt động kinh doanh nước sạch: Không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận nguyên giá theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng đối với các tài sản phục vụ quản lý. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 22	năm
- Máy móc thiết bị	04 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 30	năm
- Thiết bị quản lý	03 - 08	năm
- Các tài sản khác	03 - 08	năm

Khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp sản xuất được trích theo phương pháp số lượng, khối lượng sản phẩm. Phương pháp tính cụ thể như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định = Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng x Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm

Trong đó:

Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm = Nguyên giá của tài sản cố định/Sản lượng theo công suất thiết kế.

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định = Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm x Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;*
- *Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;*
- *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các Luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế TNDN là 22%.

Các loại thuế khác áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	80.463.065	113.914.258
Tiền gửi ngân hàng	276.205.298	254.942.148
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng - Ngân hàng Công thương Yên Bái	5.671.756.681	740.415.554
Cộng	**6.028.425.044**	**1.109.271.960**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu BHXH, BHYT người lao động	14.958.948	28.121.926
Phải thu cá nhân chủ nhiệm công trình	207.619.074	440.571.055
Các khoản phải thu khác	75.535.156	11.399.546
Cộng	**298.113.178**	**480.092.527**

7. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên vật liệu	6.353.577.890	6.231.730.329
Công cụ, dụng cụ	31.976.348	17.997.927
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	835.878	4.944.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(219.250.471)	(174.104.300)
Cộng	**6.167.139.645**	**6.080.568.891**

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/09/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	979.600	979.600
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.795.326
Cộng	**979.600**	**6.774.926**

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH *(chi tiết tại phụ lục số 01)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 31/12/2013	-	-	**632.100.000**	**632.100.000**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2014			**632.100.000**	**632.100.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Tại ngày 31/12/2013	-	-	**611.100.001**	**611.100.001**
Số tăng trong năm	-	-	5.400.000	5.400.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	*5.400.000*	*5.400.000*
Số giảm trong năm			-	-
Tại ngày 30/09/2014			**616.500.001**	**616.500.001**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2013	-	-	**20.999.999**	**20.999.999**
Tại ngày 30/09/2014	-	-	**15.599.999**	**15.599.999**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/09/2014 VND	**31/12/2013** VND
Xây dựng cơ bản dở dang (Đường ống cấp II, giai đoạn II)	354.243.605	256.437.915
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	124.870.670
Cộng	**354.243.605**	**381.308.585**

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2014 VND	**31/12/2013** VND
Đầu tư dài hạn khác (Quỹ Bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái)	50.000.000	50.000.000
Cộng	**50.000.000**	**50.000.000**

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2014 VND	**31/12/2013** VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	657.591.522	547.108.468
Phí ODA từ năm 2006-2010 (*)	255.724.052	511.448.103
Cộng	**913.315.574**	**1.058.556.571**

(*) Lãi vay vốn ODA phục vụ dự án đầu tư Hệ thống cấp nước Yên Bái - Yên Bình, tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Yên Bái không thực hiện vốn hóa. Giá trị phát sinh năm 2012 là 1.022.819.586 VND được phân bổ trong vòng 03 năm.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2014 VND	**31/12/2013** VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**2.253.121.000**	**4.506.242.000**
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn ODA (*)	2.253.121.000	4.506.242.000
Cộng	**2.253.121.000**	**4.506.242.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

(*) là khoản nợ gốc vay phải trả năm 2014 theo kế hoạch tương ứng với hợp đồng vay vốn số 01/2010/HDODA-NHPT ngày 29 tháng 11 năm 2010 ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Yên Bái.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	170.440.256	380.646.945
Thuế thu nhập cá nhân	41.180.030	-
Thuế tài nguyên	19.746.999	12.689.928
Cộng	**370.425.987**	**393.336.873**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phí nước thải	19.827.309	38.913.250
Tết âm lịch 2014	-	90.000.000
Tiền quản lý xây lắp quý IV 2013	-	65.000.000
Chi phí phải trả khác (*)	13.945.000	-
Cộng	**33.772.309**	**193.913.250**

(*): Chi phí phải trả các công trình sửa chữa trên mạng lưới cấp nước thành phố năm 2014: lắp van giảm áp, sửa chữa đường ống 110 km.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	9.705.500	20.503.700
Bảo hiểm y tế	10.141.000	14.681.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.061.973	203.562.807
Cộng	**61.908.473**	**238.748.307**

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	**45.815.306.541**	**45.815.306.541**
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Vốn ODA (*)	45.815.306.541	45.815.306.541
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	**45.815.306.541**	**45.815.306.541**

(*) Hợp đồng vay vốn số 01/2010/HDODA-NHPT ngày 29 tháng 11 năm 2010 ký với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh NHPT Yên Bái. Lãi suất 0%/năm; Phí quản lý cho vay: 0,2%/năm; Lãi chậm trả 2,5%/năm tính trên nợ gốc, lãi. Thời hạn vay 25 năm trong đó có 8 năm ân hạn kể từ ngày ký Hiệp định vay vốn ngày 05 tháng 12 năm 1996. Phương thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU - *Chi tiết tại phụ lục số 02.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.558.484.453	15.229.588.482
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	7.607.459.622
Cộng	**17.558.484.453**	**22.837.048.104**

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.558.484.453	15.229.588.482
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	7.607.459.622
Cộng	**17.558.484.453**	**22.837.048.104**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.824.253.095	9.189.356.524
Giá vốn hoạt động kinh doanh xây dựng	-	7.335.995.651
Cộng	**11.824.253.095**	**16.525.352.175**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	127.361.830	193.707.122
Cộng	**127.361.830**	**193.707.122**

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	629.267.898	146.218.963
Các khoản điều chỉnh tăng	214.630.258	150.556.288
- Khấu hao tài sản cố định không cần dùng	*132.287.800*	*150.556.288*
- Chi phí không hợp lệ	*82.342.458*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	296.775.251
- Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Chuyển lỗ	-	*296.775.251*
Thu nhập chịu thuế TNDN	843.898.156	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)	**185.657.594**	**-**
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**185.657.594**	**-**

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu đầu kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt. Trong đó: Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 đang được so sánh với số liệu Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty sẽ định giá để thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 886/QĐ-UBND tỉnh Yên Bái ngày 18/6/2014.

27. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Yên Bái, ngày 03 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Thị Ngọc Oanh	Dương Ngọc Khánh	Đặng Văn Linh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC YÊN BÁI
MSDN: 5200119386 - CTTNHH - TP. YÊN BÁI - T. YÊN BÁI

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Phụ lục số 01
Đơn vị tính: VND

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	**Tổng cộng**
Nguyên giá						
Tại ngày 31/12/2013	**9.426.483.103**	**21.458.353.038**	**92.977.225.785**	**588.278.328**	**5.317.406.289**	**129.767.746.543**
Số tăng trong năm	115.959.107	315.720.778	1.191.007.914	-	-	1.622.687.799
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*115.959.107*	*315.720.778*	*1.191.007.914*	-	-	*1.622.687.799*
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	50.632.970	-	-	-	-	50.632.970
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	*50.632.970*	-	-	-	-	*50.632.970*
Tại ngày 30/09/2014	**9.491.809.240**	**21.774.073.816**	**94.168.233.699**	**588.278.328**	**5.317.406.289**	**131.339.801.372**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Tại ngày 31/12/2013	**4.428.897.561**	**14.976.180.834**	**19.601.239.464**	**457.176.059**	**3.843.243.806**	**43.306.737.724**
Số tăng trong năm	436.244.700	1.785.358.400	3.978.972.600	40.836.900	132.287.800	6.373.700.400
- Khấu hao trong năm	*436.244.700*	*1.785.358.400*	*3.978.972.600*	*40.836.900*	*132.287.800*	*6.373.700.400*
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	3.034.800	-	-	-	-	3.034.800
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	*3.034.800*	-	-	-	-	*3.034.800*
Tại ngày 30/09/2014	**4.862.107.461**	**16.761.539.234**	**23.580.212.064**	**498.012.959**	**3.975.531.606**	**49.677.403.324**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31/12/2013	**4.997.585.542**	**6.482.172.204**	**73.375.986.321**	**131.102.269**	**1.474.162.483**	**86.461.008.819**
Tại ngày 30/09/2014	**4.629.701.779**	**5.012.534.582**	**70.588.021.635**	**90.265.369**	**1.341.874.683**	**81.662.398.048**

* Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: -
* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.414.131.524 VND
* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 3.249.007.468 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Phụ lục số 02
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2012	39.252.795.297	147.556.724	25.755.860	14.750.000.000	(8.033.828.949)	46.142.278.932
Tăng vốn năm trước	16.240.426.000	-	-	-	-	16.240.426.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	108.579.891	108.579.891
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	14.750.000.000	-	14.750.000.000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	**55.493.221.297**	**147.556.724**	**25.755.860**	**-**	**(7.925.249.058)**	**47.741.284.823**
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	421.374.076	421.374.076
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-		-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	345.906.785	345.906.785
Tại ngày 30/09/2014	**55.493.221.297**	**147.556.724**	**25.755.860**	**-**	**(7.849.781.767)**	**47.816.752.114**